TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2025/HS-ST

Ngày: 07 -01- 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông **Nguyễn Văn Trình**

Ông **Mai Văn Du**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: **108**/2024/TLST- HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Tấn L (tên khác là N)**,** sinh ngày 10/10/1993 tại Đà Nẵng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: 243/01 L, Tổ H, phường A, quận T, TP Đà Nẵng**.**

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Văn D (sinh năm: 1966); con bà: Trần Thị Minh N1 (Sinh năm: 1968). Gia đình có 02 người con, bị cáo là con đầu trong gia đình.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 26/01/2021, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 14/2021/HSST; thời gian chấp hành tính từ ngày 15/9/2020. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2022.

- Ngày 12/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 09/2023/HSST; thời gian chấp hành tính từ ngày 09/10/2022. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2024 - Có mặt tại phiên tòa

* ***Người bị hại:***

1/ Chị **Đỗ Thị Hoàng T**, sinh năm: 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: K T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
2/ Ông **Trương Văn K**, sinh năm: 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: A L,Tổ D, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
3/ Anh **Nguyễn Ngọc N2**, sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Tổ C, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.
Địa chỉ hiện nay: Số A B, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
4/ Anh **Lê Anh P**, sinh năm: 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: 4 T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
5/ Chị **Hạ Thị Thanh V**, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: 132 N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.
Địa chỉ hiện nay: C T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
6/ Chị **Dương Thị Thanh T1**, sinh năm: 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: K đường H, tổ A, phường C, quận T, TP Đà Nẵng.

******Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1/ Chị **Trần Thị Minh L1**, sinh năm: 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ H, phường A, quận T, TP Đà Nẵng.
2/ Chị **Nguyễn Thị Ni N3**, (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ B, phường K, quận C, TP Đà Nẵng.
3/ Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: 392/16/26 T, phường B, quận H, TP Đà Nẵng.
4/ Anh **Trần Công M**, sinh năm: 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: F T, quận T, TP Đà Nẵng.
5/ Công ty TNHH MTV T4 (vắng mặt)
Địa chỉ: C T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Q, chức vụ: Giám đốc.
6/ Công ty TNHH T5 (vắng mặt)
Địa chỉ: B T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12/01/2023, Lê Tấn L đã bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/02/2024. L lại thường xuyên sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter biển

kiểm soát 43S3-8740 dạo quanh các tuyến đường để trộm cắp các bình điện trên xe ô tô tải của người dân đang đậu đỗ, rồi bán lấy tiền dùng làm nguồn sống chính. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2024 đến 01/8/2024, L đã 07 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

L: Khoảng 19 giờ ngày 11/7/2024, L điều khiển xe mô tô Jupiter biển kiểm soát 43S3-8740 mang theo hộp đựng đồ nghề gồm 01 cà lê 02 đầu; 01 cà lê 13, 01 mỏ lết và đèn pin để đi tháo trộm bình điện xe ô tô. Khi đến trước nhà số A N, phường H, quận C, phát hiện xe tải KIA K250 biển kiểm soát 92C-202.87 của chị Đỗ Thị Hoàng T (sinh năm: 1993, trú tại K T, phường H, quận C) đỗ bên trong kho thạch cao. L để xe mô tô phía ngoài, trèo qua tường rào đột nhập vào trong kho, L lấy cờ lê 10 tháo bình điện nhãn hiệu DONG NAI; dung lượng: 12V-100AH (MF:31800) trị giá **1.586.000đồng** gắn trên xe ô tô, rồi mang bình điện theo lối cũ trèo ra ngoài. Sau đó, L dùng xe mô tô chở bình điện đến giấu tại bãi đất trống trên đường T.

Lần 2: Khoảng 04 giờ ngày 12/7/2024, L tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên đến đường B, phường H, quận C nhìn thấy xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-21942 của anh Trương Văn K (sinh năm: 1965, trú tổ D phường H, quận C) đang đỗ trước nhà số B đường B, phường H, quận C, không có người trông giữ. L sử dụng mỏ lết tháo rời bình điện, nhãn hiệu DONG NAI; dung lượng: 12V-100AH (MF:31800) trị giá **1.708.000đồng** rồi điều khiển xe mô tô chở bình điện này cùng với bình điện trộm vào ngày 12/7 bán cho người phụ nữ nhặt ve chai (không rõ lai lịch) được 320.000đồng.

Lần 3: Khoảng 13 giờ ngày 20/7/2024, L tiếp tục sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter đến trước nhà số H P, phường H, dùng mỏ lết, cờ lê tháo rời bình điện loại xe 1 tấn 25, nhãn hiệu Enimac, dung lượng: 12V-100AH N100 của xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-067.13 trị giá **1.453.500đồng** của anh Nguyễn Ngọc N2 (sinh năm: 1982, trú tổ C, H, L). Sau đó, L chở bình điện đi tiêu thụ thì thấy lực lượng Công an phường đang tuần tra gần khu vực chung cư P, phường H nên L ném bình điện vào bụi cây ven đường rồi về nhà. Tối cùng ngày, L quay lại vị trí vứt bình điện kiểm tra thì không tìm thấy bình điện.

Lần 4: Khoảng 18 giờ ngày 20/7/2024, L tiếp tục quay lại nhà số H P, thì thấy xe ô tô tải khác có biển kiểm soát 43X-0912 của anh Nguyễn Ngọc N2 đang đỗ, xung quanh không có người. L dùng mỏ lết tháo rời 02 bình điện loại xe 1 tấn 7, nhãn hiệu Enimac; dung lượng: 12V-100AH N100 trị giá **2.907.000** đồng trên xe ra rồi chở 02 bình điện đến bán cho một người phụ nữ nhặt ve chai (không rõ lai lịch) gần khu vực Bến xe Đ được 230.000đồng.

Lần 5: Khoảng 04 giờ ngày 22/7/2024, L điều khiển xe mô tô mang theo đèn pin, cờ lê và mỏ lết đến trước nhà số D đường T, phường H, trộm cắp bình điện nhãn hiệu DONG NAI; loại trung: 12V-85AH (N85) trị giá **1.448.000 đồng** gắn trên xe tải biển kiểm soát 43H-026.32 của anh Lê Anh P (sinh năm: 1987, trú 4 T, H, Cẩm L2) rồi bán lại cho người nhặt ve chai (không rõ lai lịch) gần khu vực đường L với giá 180.000đồng.

Lần 6: Khoảng 19 giờ ngày 27/7/2024, L tiếp tục đến bãi đất trống gần khu vực đường H 6 nối với Yên T2 chiếm đoạt 02 bình điện nhãn hiệu GS, N100 (12V-100AH) trị giá **3.312.000 đồng** gắn trên xe tải biển kiểm soát 43C-222.52 của chị Hạ Thị Thanh V (sinh năm: 1983, trú tại: A N, phường H, quận H) rồi đem đến giấu tại trụ điện gần cây xăng trên đường B. Đến sáng hôm sau, L quay lại nơi cất giấu chở 02 bình điện này lấy đem lên khu vực phường H, quận L bán cho một người bán ve chai (không rõ lai lịch) được 240.000đồng.

Lần 7: Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 01/8/2024, với phương thức thủ đoạn cũ, L đi đến vị trí xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-299.23 của chị Dương Thị Thanh T1 (Sinh năm: 1972, trú tại tổ A, C, T, Đà Nẵng) đang đỗ trước số nhà B đường T, phường H, rồi sử dụng bộ đồ nghề tháo rời bình điện nhãn hiệu GS 105D31, L/R (12V - 90 AH) trị giá **1.970.000 đồng** của xe tải ra. L chở bình điện đi bán cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch) tại khu vực đường B được 140.000đồng.

Toàn bộ số tiền bán bình điện có được, L sử dụng tiêu xài và chi dùng cá nhân hết. [BL: 11-21; 28-37; 39-111; 137-151; 155-259]

Tang vật thu giữ: 01 mỏ lết 9, 01 cà lê 02 đầu (01 đầu 10, 01 đầu 13), 01 cà lê 13; 01 đèn pin; 01 xe mô tô hiệu Jupiter BKS 43S3-8740, 01 điện thoại di động Samsung A02s màu trắng.

Theo Kết luận định giá số 30/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 và Kết luận định giá số 33/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND quận C đã xác định giá trị tài sản 07 lần trộm cắp tài sản là các bình điện của xe ô tô tải các loại trong khoảng thời gian từ ngày 12/7/2024 đến 01/8/2024 của L như đã nêu trên với giá trị tài sản chiếm đoạt tổng cộng là **14.384.500** đồng.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKSCL ngày 20/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . đã truy tố bị cáo Lê Tấn L về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điểm b,g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Tấn L phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Điểm b,g Khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tấn L mức án từ **03** năm đến **03** năm **06** tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đỗ Thị Hoài T3 yêu cầu bồi thường số tiền **1.586.000đồng;** anh Trương Văn K yêu cầu bồi thường số tiền **1.708.000đồng;** anh Nguyễn Ngọc N2 yêu cầu bồi thường số tiền **4.360.500đồng;** anh Lê Anh P yêu cầu bồi thường số tiền **1.448.000đồng;** chị Hạ Thị Thanh V yêu cầu bồi thường số tiền **3.312.000đồng;** chị Dương Thị Thanh T1 yêu cầu bồi thường số tiền **1.970.000đồng.** Hiện bị cáo chưa bồi thường do vậy cần buộc bị cáo Lê Tấn L phải bồi thường các khoản tiền nêu trên cho các bị hại.

Về vật chứng:

Đối với 01 mỏ lết 9, 01 cà lê 02 đầu, 01 cà lê 13, 01 đèn pin, là công cụ dùng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.
Đối với 01 điện thoại di động Samsung A02s màu trắng của L không dùng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành.
Đối với xe mô tô hiệu Jupiter BKS: 43S3-8740, là của chị Trần Thị Minh L1 (sinh năm: 1973, trú tổ H, phường A, quận T, là dì ruột của L) mua lại của anh Trần Công M; và ông Trần Công M khai mua lại của một người phụ nữ (được xác định có tên Nguyễn Thị Ni N3; trú tại tổ B, Khu Ê, C, Đà Nẵng, đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký); cả chị L1 và anh M đều xác định khi mua có viết giấy tờ mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên; hiện nay giấy tờ mua bán chị L1 đã làm thất lạc chưa cung cấp được. Tuy nhiên, qua tra cứu dữ liệu dân cư thì không xác định được người nào có lai lịch là Nguyễn Thị Ni N3 như trên. Chiếc xe này chị L1 cho L mượn nhưng không biết L sử dụng vào việc phạm tội, nên đề nghị trả lại cho chị L1; sau này nếu phát sinh việc tranh chấp về quyền sở hữu xe mô tô hiệu Jupiter BKS: 43S3-8740 giữa chị L1 với anh M, chị N3 thì sẽ khởi kiện giải quyết trong một vụ án khác.

Về trách nhiệm của những người có liên quan:

Đối với những người mua các bình ắc quy mà Lê Tấn L bán, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là có cơ sở.

Đối với chị Trần Thị Minh L1 (sinh năm: 1973, trú tổ H, A, T, Đà Nẵng), khi giao xe mô tô cho L mượn, chị L1 không biết L dùng vào việc phạm tội nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Những người tham gia phiên tòa không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa người bị hại chị Đỗ Thị Hoàng T, ông Trương Văn K anh Nguyễn Ngọc N2, anh Lê Anh P,chị Hạ Thị Thanh V,chị Dương Thị Thanh T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ni N3, anh Trần Văn H, anh Trần Công M, đại diện Công ty TNHH MTV T4, đại diện Công ty TNHH T5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người này. Do đó, sự vắng mặt của những người bị hại; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Tấn L khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1.1] Vào ngày 12/01/2023, Lê Tấn L đã bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/02/2024. L lại thường xuyên sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter biển kiểm soát 43S3-8740 dạo quanh các tuyến đường để trộm cắp các bình điện trên xe ô tô tải của người dân đang đậu đỗ, rồi bán lấy tiền dùng làm nguồn sống chính. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2024 đến 01/8/2024, L đã 07 lần trộm cắp tài sản là bình điện của xe ô tô tải các loại, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 14.384.500 đồng.

[2.1.2] Hành vi trên của bị cáo Lê Tấn L đã phạm vào tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm b, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số

107/CT-VKSCL ngày 20/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . đã truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Lê Tấn L thì thấy:

Bị cáo là người tuổi đời còn trẻ, lẽ ra bị cáo phải lo lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo Lê Tấn L đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi của bị cáo Lê Tấn L đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian từ ngày 11/7/2024 đến ngày 01/8/2024, bị cáo L là đối tượng mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/02/2024 theo Bản án số 09/2023/HSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang về tội "Trộm cắp tài sản" thì bị cáo L đã 07 lần trộm cắp tài sản là bình điện của xe ô tô tải các loại của những người bị hại là chị Đỗ Thị Hoàng T, ông Trương Văn K, anh Nguyễn Ngọc N2, anh Lê Anh P,chị Hạ Thị Thanh V,chị Dương Thị Thanh T1 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **14.384.500** đồng. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội khi đang có 02 tiền án là: Ngày 26/01/2021, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 14/2021/HSST; thời gian chấp hành tính từ ngày 15/9/2020; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2022. Ngày 12/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 09/2023/HSST; thời gian chấp hành tính từ ngày 09/10/2022; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2024; bị cáo không có công việc ổn định; lại thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản của người khác và lấy nguồn thu từ việc trộm cắp để làm nguồn sống nên thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại Điểm b, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo nghiêm minh, xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

[2.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo Lê Tấn L 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của những người bị hại là chị Đỗ Thị Hoàng T, ông Trương Văn K, anh Nguyễn Ngọc N2, anh Lê Anh P, chị Hạ Thị Thanh V, chị Dương Thị Thanh T1 nên thuộc tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự " Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lê Tấn L đã thành khẩn khai báo nghĩ nên áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[2.4] Xét về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Tại phiên tòa người bị hại chị Đỗ Thị Hoàng T, ông Trương Văn K, anh Nguyễn Ngọc N2, anh Lê Anh P, chị Hạ Thị Thanh V, chị Dương Thị Thanh T1 đều vắng mặt nhưng các bị hại đều có yêu cầu bị cáo L phải bồi thường theo giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt nhưng không thu hồi được theo giá trị đã được định giá tại Kết luận định giá số 30/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 và Kết luận định giá số 33/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND quận C. Trong đó chị Đỗ Thị H1 T yêu cầu bồi thường số tiền **1.586.000đồng;** anh Trương Văn K yêu cầu bồi thường số tiền **1.708.000đồng;** anh Nguyễn Ngọc N2 yêu cầu bồi thường số tiền **4.360.500đồng;** anh Lê Anh P yêu cầu bồi thường số tiền **1.448.000đồng;** chị Hạ Thị Thanh V yêu cầu bồi thường số tiền **3.312.000đồng;** chị Dương Thị Thanh T1 yêu cầu bồi thường số tiền **1.970.000đồng.** Tổng cộng số tiền bị cáo L có trách nhiệm phải bồi thường theo yêu cầu của các bị hại chị Đỗ Thị Hoàng T, ông Trương Văn K anh Nguyễn Ngọc N2, anh Lê Anh P, chị Hạ Thị Thanh V, chị Dương Thị Thanh T1 là: **14.384.500** đồng. Hiện nay L chưa bồi thường số tiền trên cho các bị hại.

HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện theo yêu cầu của bị hại; tại các Kết luận định giá số 30/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 và Kết luận định giá số 33/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND quận C thì số tiền này hiện nay bị cáo L chưa bồi thường cho các bị hại; do vậy yêu cầu bồi thường số tiền nêu trên của các bị hại là có cơ sở và cũng được bị cáo L đồng ý nên HĐXX thấy cần tuyên buộc bị cáo L phải bồi thường cho chị Đỗ Thị Hoài T3 số tiền **1.586.000đồng;** anh Trương Văn K số tiền **1.708.000đồng;** anh Nguyễn Ngọc N2 số tiền **4.360.500đồng;** anh Lê Anh P số tiền **1.448.000đồng;** chị Hạ Thị Thanh V số tiền **3.312.000đồng;** chị Dương Thị Thanh T1 số tiền **1.970.000đồng** là phù hợp.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo L có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại: chị Đỗ Thị Hoàng T, ông Trương Văn K, anh Nguyễn Ngọc N2, anh Lê Anh P, chị Hạ Thị Thanh V, chị Dương Thị Thanh T1 là **14.384.500** đồng.

[2.5] Xét về vật chứng:

Đối với 01 mỏ lết 9, 01 cà lê 02 đầu, 01 cà lê 13, 01 đèn pin thu giữ của bị cáo Lê Tấn L là công cụ bị cáo L dùng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung A02s màu trắng thu giữ của bị cáo Lê Tấn L là tài sản của L do không liên quan đến hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của L, HĐXX thấy cần tuyên trả lại cho bị cáo Lê Tấn L. Tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô hiệu Jupiter BKS: 43S3-8740, màu sơn đỏ đen; số máy 5VT2115761; số khung RLCJ5VT205Y115761; đăng ký ngày 08/8/2005, người đứng tên giấy tờ xe chị Nguyễn Thị Ni N3 thu giữ của bị cáo Lê Tấn L qua xác minh làm rõ là của chị Trần Thị Minh L1 (sinh năm: 1973, trú tổ H, phường A, quận T, là dì ruột của L) mua lại của ông Trần Công M; và ông Trần Công M khai mua lại của một người phụ nữ (được xác định có tên Nguyễn Thị Ni N3; trú tại tổ B, Khu Ê, C, Đà Nẵng, đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký); cả chị L1 và ông M đều xác định khi mua có viết giấy tờ mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên; hiện nay giấy tờ mua bán chị L1 đã làm thất lạc chưa cung cấp được. Tuy nhiên, qua tra cứu dữ liệu dân cư thì không xác định được người nào có lai lịch là Nguyễn Thị Ni N3 như trên. Chiếc xe này chị L1 cho L mượn nhưng không biết L sử dụng vào việc phạm tội, nên HĐXX thấy cần tuyên trả lại cho chị L1; sau này nếu phát sinh việc tranh chấp về quyền sở hữu xe mô tô hiệu Jupiter BKS: 43S3-8740 giữa chị L1 với ông M, chị N3 thì sẽ khởi kiện giải quyết trong một vụ án khác.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP . đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16/12/2024.

[2.6] Về trách nhiệm của những người có liên quan:

Đối với những người mua các bình ắc quy mà Lê Tấn L bán, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là có cơ sở.

Đối với chị Trần Thị Minh L1 (sinh năm: 1973, trú tổ H, A, T, Đà Nẵng), khi giao xe mô tô cho L mượn, chị L1 không biết L dùng vào việc phạm tội nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

[2.7]Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[2.8]Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Tấn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 719.225đồng (14.384.500 đồng x 5% = 719.225đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b, g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tấn L phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Tấn L **03 (ba) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 27/8/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lê Tấn L bồi thường cho các bị hại gồm:

- Bồi thường cho chị Đỗ Thị Hoài T3 số tiền **1.586.000đồng** (Một triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

- Bồi thường cho anh Trương Văn K số tiền **1.708.000đồng** (Một triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn đồng).

- Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N2 số tiền **4.360.500đồng** (Bốn triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, năm trăm đồng).

- Bồi thường cho anh Lê Anh P số tiền **1.448.000đồng** (Một triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Bồi thường cho chị Hạ Thị Thanh V số tiền **3.312.000đồng** (Ba triệu, ba trăm mười hai ngàn đồng).

- Bồi thường cho chị Dương Thị Thanh T1 số tiền **1.970.000đồng** (Một triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với: 01 mỏ lết 9, 01 cà lê 02 đầu, 01 cà lê 13, 01 đèn pin thu giữ của bị cáo Lê Tấn L là công cụ bị cáo L dùng vào việc phạm tội.

- Tuyên trả lại xe mô tô hiệu Jupiter BKS: 43S3-8740, màu sơn đỏ đen; số máy 5VT2115761; số khung RLCJ5VT205Y115761; đăng ký ngày 08/8/2005, người đứng tên giấy tờ xe chị Nguyễn Thị Ni N3 được thu giữ của bị cáo Lê Tấn L cho chị Trần Thị Minh L1.

-Tuyên trả lại 01 điện thoại di động Samsung A02s màu trắng thu giữ của bị cáo Lê Tấn L là tài sản của L do không liên quan đến hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của L. Tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP . đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16/12/2024.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Tấn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

-Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 719.225đồng (Bảy trăm mười chín ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng)

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo Lê Tấn L ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Minh L1 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/01/2025.

Riêng những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THA quận Cẩm Lệ;
- Nhà tạm giữ công an quận Cẩm Lệ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**